

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/HS-ST
Ngày: 26/12/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT, TỈNH ST**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nhẫn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lý Ngân**

2. Ông **Lâm Ngọc Hà**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Cẩm Vân**, là thư ký Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh ST.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà **Võ Thị Bé Năm** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh ST, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 28/2019/TLST-HS, ngày 05 tháng 12 năm 2019 (theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐXXST-HS, ngày 01/12/2019), đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lâm Võ Hoài T** (tên gọi khác: L) sinh năm 1980, tại tỉnh Sóc Trăng. Nơi cư trú: ấp An Trạch, xã An Hiệp, huyện CT, tỉnh ST; Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; Trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lâm Văn Hoài và bà Võ Thị Tuyết M; có vợ và 01 người con; Tiền án: Có 04 tiền án, về “Tội trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 10/7/2017, đã được xóa án tích; Tiền sự: không. Bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện CT, tỉnh ST, áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam kể từ ngày 29/8/2019 cho đến nay (bị cáo có mặt).

2. Họ và tên: **Dương L**, sinh năm 1975, tại tỉnh Sóc Trăng. Nơi cư trú: ấp Càn Giời 02, xã T Đ, huyện MX, tỉnh ST; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 04/12; Dân tộc: Khmer; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương P và bà Lý Thị Sa T; Vợ, con: Không; Tiền án: vào ngày 17/4/2003, bị Tòa án nhân dân huyện MX, tỉnh ST xử phạt 36 tháng tù, về “Tội trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; ngày 16/9/2008, bị Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xử phạt 06 năm tù, về “Tội trộm cắp

tài sản”, quy định tại khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; vào ngày 18/11/2009, bị Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 06 năm tù, về “Tội trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, nhưng sau đó Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm 05 năm 06 tháng tù, về “Tội trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; Tổng hợp hình phạt với bản án huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang là 11 năm 06 tháng tù (đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 02/02/2019, chưa được xóa án tích); Tiền sự: không. Bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện CT, tỉnh ST, áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam kể từ ngày 07/9/2019 cho đến nay (bị cáo có mặt).

3. Họ và tên: **Lâm Mã T**, sinh năm 1990, tại tỉnh Sóc Trăng. Nơi cư trú: ấp An Trạch, xã An Hiệp, huyện CT, tỉnh ST; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; Dân tộc: Khmer; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lâm Trung và bà Mã Thị Hồng Phin; Có vợ (đã ly hôn) và 01 con; Tiền án: Không; Tiền sự: không. Bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện CT, tỉnh ST, áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam kể từ ngày 29/8/2019 cho đến nay (bị cáo có mặt).

- Người bị hại:

Ông **Dương Gia B**, sinh năm 1995; nơi cư trú: ấp Phước A, xã Phú T, huyện CT, tỉnh ST (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà **Thạch Thị T**, sinh năm 1991; nơi cư trú: ấp Phước Hòa, xã Phú Tân, huyện CT, tỉnh ST (vắng mặt).

2. Ông **Thạch C**, sinh năm 1989; nơi cư trú: ấp Phước Hòa, xã Phú Tân, huyện CT, tỉnh ST (vắng mặt).

3. Ông **Lâm Văn CH**, sinh năm 1984; nơi cư trú: ấp An Trạch, xã An Hiệp, huyện CT, tỉnh ST (vắng mặt).

4. Ông **Nguyễn Hoài T**, sinh năm 1984; nơi cư trú: ấp Giồng Chùa A, xã An H, huyện CT, tỉnh ST (vắng mặt).

5. Ông **Đinh Văn L**, sinh năm 1989; nơi cư trú: ấp Bưng Tróp B, xã An Hiệp, huyện CT, tỉnh ST (vắng mặt).

6. Bà **Võ Thị Tuyết M**, sinh năm 1958; nơi cư trú: ấp An Trạch, xã An H, huyện CT, tỉnh ST (có mặt).

7. Ông **Huỳnh Phương G**, sinh năm 1983; nơi cư trú: ấp Giồng C, xã Tham Đ, huyện MX, tỉnh ST (vắng mặt).

8. Ông **Lâm Thế V**, sinh năm 1995; nơi cư trú: số 121, khóm 7, phường 1, thị xã VC, tỉnh ST (vắng mặt).

- Người tham gia tố tụng khác (người làm chứng):

Ông **Trần Sóc K**, sinh năm 1968; nơi cư trú: ấp Phước A, xã Phú T, huyện CT, tỉnh ST (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ, ngày 05/8/2019, bị cáo T sử dụng điện thoại di động gọi cho bị cáo T nói “Có tiệm điện thoại gần cổng chùa Phật nổi, xã Phú Tân, không có người ngủ quản lý, kêu bị cáo T đánh (tức là đi trộm)”, bị cáo T nói bị cáo T “Đề gọi điện cho bị cáo L thử coi làm (trộm) được không”. Sau đó, khoảng 14 giờ ngày 06/8/2019, bị cáo T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 83P2-851.54 chở bị cáo T đi công chuyện trong Vũng Thơm, trên đường đi về bị cáo T chỉ địa điểm tiệm điện thoại trước đó đã nói cho bị cáo T biết. Đến khoảng 10 giờ ngày 07/8/2019 bị cáo T điện thoại di động gọi cho bị cáo L và nói với bị cáo L “T chỉ tiệm điện thoại ngay cổng chùa Phật nổi, không ai ngủ giữ và dễ đánh lăm (tức là dễ trộm)”, nghe vậy bị cáo L nói với bị cáo T “Đề coi đã” rồi tắt máy.

Đến khoảng 17 giờ ngày 08/8/2019, bị cáo L gọi điện thoại di động cho bị cáo T và bị cáo L nói với bị cáo T “Tôi nay sẽ đánh (trộm) tiệm điện thoại”. Đến khoảng hơn 23 giờ cùng ngày, bị cáo L điều khiển xe máy đến nhà bị cáo T ở ấp Giồng Chùa A, xã An Hiệp. Lúc này, cả hai đồng ý cùng nhau đi trộm cắp tài sản. Khi đi bị cáo T điều khiển xe mô tô BKS 83P2-851.54 chở bị cáo L. Khoảng 01 giờ sáng ngày 09/8/2019, khi đến khu vực ấp Phước An, xã Phú Tân (cách tiệm điện thoại Hưng Tâm khoảng 50 mét), bị cáo T dừng xe lại, chỉ cho bị cáo L biết tiệm điện thoại. Sau đó, bị cáo L xuống xe đi bộ đến tiệm điện thoại “Hưng Tâm” của ông Dương Gia B, sinh năm 1995, trú tại: ấp Phước An, xã Phú Tân, Châu Thành, Sóc Trăng, còn bị cáo T điều khiển xe dừng trong đường bê tông cách tiệm điện thoại khoảng 50 mét để chờ bị cáo L. Bị cáo L quan sát tìm lối đột nhập vào tiệm điện thoại khoảng 30 phút rồi đi đến xe của bị cáo T, bị cáo L tự mở yên xe và lấy trong cốp xe một cây kềm.

Sau đó, bị cáo L đi đến trước cửa tiệm điện thoại, leo trèo lên khoảng trống phía trên cửa sắt đột nhập vào bên trong, lấy nhiều điện thoại di động bàn phím trong tủ kính không khóa; lấy điện thoại di động bị hư trên bàn, mở tủ lấy card điện thoại, thẻ sim số thuê bao và tiền Việt Nam 110.000 đồng, tiếp theo bị cáo L dùng kềm bẻ phá ổ khóa tủ kính lấy nhiều điện thoại di động cảm ứng và máy tính bảng. Sau đó, bị cáo L để tất cả tài sản vào trong hai bọc nilon màu đen. Đến khoảng 03 giờ sáng cùng ngày, bị cáo T đến kêu bị cáo L về và bị cáo L chuyển cho bị cáo T một bọc nilon màu đen đựng tài sản, bọc nilon màu đen còn lại bị cáo L tự cầm leo trèo ra cửa, rồi

bị cáo T điều khiển xe chở bị cáo L quay về nhà bị cáo T. Trên đường về L đã lấy cây kim ném bỏ xuống kênh. Khi về đến nhà bị cáo T thì bị cáo L lấy một số tài sản, còn lại để cho bị cáo T và bị cáo T. Đến khoảng hơn 07 giờ sáng ngày 09/8/2019, bị cáo T điện thoại cho bị cáo T đến lấy cho một số tài sản. Các điện thoại bàn phím không có giá trị, bị cáo T gọi điện thoại cho bị cáo L đến lấy đem đi tiêu thụ, còn lại sắp xếp thẻ sim số thuê bao bị cáo T ném bỏ xuống sông tại cầu An Trạch, xã An Hiệp.

Trong quá trình điều tra, bị cáo L đã khai nhận vào ngày 09/8/2019 lấy trộm các tài sản gồm: 10 điện thoại di động (ĐTDD) cảm ứng các loại, 02 máy tính bảng, 34 ĐTDD bàn phím, Card điện thoại trị giá 1.770.000 đồng, 30 thẻ sim số thuê bao (nhiều nhà mạng) trị giá 1.300.000 đồng, tiền Việt Nam 110.000 đồng. Sau đó, từng bị cáo lấy các tài sản như sau:

Bị cáo Dương L lấy tài sản gồm 07 ĐTDD cảm ứng (02 ĐTDD nhãn hiệu Samsung, 01 ĐTDD nhãn hiệu Honor, 01 ĐTDD nhãn hiệu Wiko Sunny 3Plus, 01 ĐTDD nhãn hiệu Wiko Ufeel Go, 01 ĐTDD nhãn hiệu Vivo, 01 ĐTDD bị bể màn hình); 01 máy tính bảng nhãn hiệu Masstel; 33 ĐTDD loại bàn phím; card điện thoại (thẻ cào) nạp tiền được trị giá 1.500.000 đồng và tiền Việt Nam là 110.000 đồng. Sau đó, bị cáo L bán 06 điện thoại cảm ứng, 01 máy tính bảng và 01 điện thoại bàn phím ở thành phố Hồ Chí Minh (không xác định được địa điểm bán, người mua tên gì, ở đâu) được số tiền 7.450.000 đồng. Tổng cộng tiền bán điện thoại, tiền nạp card sử dụng và tiền Việt Nam là 9.060.000 đồng, bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết. Còn lại 32 điện thoại bàn phím, bị cáo cho 02 điện thoại bàn phím (không xác định tên, địa chỉ người nhận) và bị cáo ném bỏ ở khu vực TPHCM nhưng không xác định được địa điểm gồm 30 điện thoại bàn phím và 01 điện thoại cảm ứng bể màn hình.

Bị cáo Lâm Võ Hoài T lấy tài sản là 01 điện thoại di động cảm ứng, nhãn hiệu Honor 7C; card điện thoại nạp sử dụng với số tiền 270.000 đồng và 30 thẻ sim số thuê bao (nhiều nhà mạng) có trị giá là 1.300.000 đồng. Sau đó, bị cáo lấy ĐTDD trên cho người em rể tên Nguyễn Hoài T (sinh năm 1984, nơi cư trú: ấp 1A, xã Vĩ Đông, Vĩ Thủy, Hậu Giang, chỗ ở: ấp Giồng Chùa A, xã An Hiệp, huyện CT, tỉnh ST), 30 thẻ sim bị cáo ném bỏ dưới sông tại cầu An Trạch, xã An Hiệp.

Bị cáo Lâm Mã T lấy tài sản gồm 02 ĐTDD cảm ứng, 01 máy tính bảng và 01 điện thoại bàn phím. Sau đó, bị cáo bán 01 máy tính bảng nhãn hiệu Archos cho chị Thạch Thị T (sinh năm 1991, nơi cư trú: ấp Phước An, xã Phú Tân, huyện CT, tỉnh ST) với số tiền 800.000 đồng; 01 ĐTDD nhãn hiệu ViVo1610 bán cho anh Thạch C (sinh năm 1989, nơi cư trú: ấp Phước Thuận, xã Phú Tân, huyện CT, tỉnh ST) với số tiền là 900.000 đồng và cho anh C một điện thoại di động bàn phím nhãn hiệu Sam

sung E1050; 01 ĐTDĐ nhãn hiệu HuaWei CRO bán cho anh Lâm Văn CH (sinh năm 1984, nơi cư trú: ấp An Trạch, xã An Hiệp, huyện CT, tỉnh ST) với số tiền 900.000 đồng. Tổng cộng tài sản bán được số tiền là 2.600.000 đồng và bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 19/2019/HĐĐG-TCKH, ngày 29/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự, thuộc Ủy ban nhân dân huyện CT, tỉnh ST, kết luận:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Honor 7C, màu vàng, tại thời điểm ngày 09/8/2019, có giá trị thành tiền là 3.511.000 đồng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 1610, màu vàng, tại thời điểm ngày 09/8/2019, có giá trị thành tiền là 2.400.000 đồng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Huawei mode CRO-U00, màu vàng, tại thời điểm ngày 09/8/2019, có giá trị thành tiền là 2.000.000 đồng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung E1050, màu đen, tại thời điểm ngày 09/8/2019, có giá trị thành tiền là 200.000 đồng.

- 01 máy tính bảng nhãn hiệu Archos, màu bạc, tại thời điểm ngày 09/8/2019, có giá trị thành tiền là 1.100.000 đồng.

Tổng cộng tài sản nói trên có giá trị thành tiền là 9.211.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 24/2019/HĐĐG-TCKH, ngày 09/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự, thuộc Ủy ban nhân dân huyện CT, tỉnh ST, kết luận:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J2 Primer, màu vàng, cảm ứng: tài sản đã qua sử dụng, chưa thu hồi được, không xác định được tình trạng của tài sản nên Hội đồng không có cơ sở xác định giá trị tài sản.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung G5360, màu vàng đen: tài sản đã qua sử dụng, chưa thu hồi được, không xác định được tình trạng của tài sản nên Hội đồng không có cơ sở xác định giá trị tài sản.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu đen, cảm ứng, xuất xứ Trung Quốc: tài sản đã qua sử dụng, chưa thu hồi được, không xác định được tình trạng của tài sản nên Hội đồng không có cơ sở xác định giá trị tài sản.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Honor 7A, màu xanh, cảm ứng, tại thời điểm ngày 09/8/2019, có giá trị thành tiền là 2.543.000 đồng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Wiko Sunny 3Plus, cảm ứng màu vàng, tại thời điểm ngày 09/8/2019, có giá trị thành tiền là 1.000.000 đồng

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Wiko Ufeel Go, cảm ứng màu vàng, tại thời điểm ngày 09/8/2019, có giá trị thành tiền là 1.900.000 đồng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Wivo Y8li, cảm ứng màu vàng, tại thời điểm ngày 09/8/2019, có giá trị thành tiền là 2.900.000 đồng.

- 01 máy tính bảng nhãn hiệu Mastel Tab 10, màu vàng, xuất xứ Trung Quốc, tại thời điểm ngày 09/8/2019, có giá trị thành tiền là 2.200.000 đồng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, bàn phím màu đen, tại thời điểm ngày 09/8/2019, có giá trị thành tiền là 350.000 đồng.

- 06 điện thoại di động nhãn hiệu Vell – com 8110, bàn phím, màu đen, máy có pin, tại thời điểm ngày 09/8/2019, có giá trị thành tiền là: 190.000 đồng/cái x 6 = 1.140.000 đồng.

- 06 điện thoại di động nhãn hiệu Vell – com V1, bàn phím, màu đen, máy không có pin, tại thời điểm ngày 09/8/2019, có giá trị thành tiền là: 160.000 đồng/cái x 6 = 960.000 đồng.

- 05 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel IZI 280 bàn phím, màu đen, máy có pin, tại thời điểm ngày 09/8/2019, có giá trị thành tiền là: 200.000 đồng/cái x 5 = 1.000.000 đồng.

- 05 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel 105, màu đen, máy không có pin, tại thời điểm ngày 09/8/2019, có giá trị thành tiền là: 170.000 đồng/cái x 5 = 850.000 đồng.

- 05 điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar B242, bàn phím, màu đen, máy có pin, tại thời điểm ngày 09/8/2019, có giá trị thành tiền là: 300.000 đồng/cái x 5 = 1.500.000 đồng.

- 05 điện thoại di động nhãn hiệu Mobiistar B242, bàn phím, màu đen, máy không có pin, tại thời điểm ngày 09/8/2019, có giá trị thành tiền là: 270.000 đồng/cái x 5 = 1.350.000 đồng.

- 10 thẻ sim số thuê bao mạng Viettel; 10 thẻ sim số thuê bao mạng Vietnammobile; 05 thẻ sim số thuê bao mạng Vina; 05 thẻ sim số thuê bao mạng Mobi (các thẻ chưa qua sử dụng): Tài sản không thu hồi được, không có chứng từ mua bán, không xác định được loại sim và số của từng sim nên Hội đồng không có cơ sở xác định giá trị tài sản.

Tổng cộng tài sản nói trên có giá trị thành tiền là 17.693.000 đồng.

Tổng giá trị thành tiền theo kết luận định giá tài sản ngày 29/8/2019 và ngày 09/10/2019 là 26.904.000 đồng. Ngoài ra, bị can còn chiếm đoạt tiền Việt Nam 110.000 đồng và card điện thoại có trị giá là 1.770.000 đồng. Như vậy, tổng cộng tài sản chiếm đoạt ngày 09/8/2019 có giá trị là 28.784.000 đồng.

Đến ngày 29/8/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện CT, tỉnh ST đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định khởi tố bị can và áp dụng biện pháp

ngăn chặn “Bắt bị can để tạm giam” đối với Lâm Võ Hoài T và Lâm Mã T, về “Tội trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; ngày 07/9/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện CT, tỉnh ST đã ra quyết định khởi tố bị can và áp dụng biện pháp ngăn chặn “Bắt bị can để tạm giam” đối với Dương L, về “Tội trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Về vật chứng của vụ án: trong quá trình điều tra vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CT, tỉnh ST đã tạm giữ gồm:

- 01 ổ khóa tủ kính bằng kim loại màu trắng kí hiệu số 211 (đã bị hư hỏng); 01 (một) hộp điện thoại di động (ĐTDD) nhãn hiệu Oppo A39, số IMEI 1: 863654036059673, số IMEI 2: 863654036059665; 01 (một) hộp ĐTDD nhãn hiệu Oppo A71, số IMEI 1: 865524032421615, số IMEI 2: 865524032421607; 01 (một) hộp máy tính bảng nhãn hiệu Masstel Tab 7, màu bạc, số IMEI 1: 357470073890331, số IMEI 2: 357470073890349; 01 (một) hộp máy tính bảng nhãn hiệu Dotpad F7 Plus, màu vàng, số IMEI 1: 356748092485865, số IMEI 2: 356748092498868; 01 (một) hộp máy tính bảng nhãn hiệu Masstel Tap 10, màu vàng, số IMEI 1: 352037075416947, số IMEI 2: 352037075416954; 01 (một) hộp máy tính bảng nhãn hiệu Archos, màu bạc, số IMEI 1: 354373070601755, IMEI 2: 354373070601763.

- 01 (một) ĐTDD nhãn hiệu Honor 7C, màu vàng, IMEI 867244032054963; 01 (một) ĐTDD nhãn hiệu Vivo 1610 màu vàng, IMEI 864655039945551; 01 (một) ĐTDD nhãn hiệu Huawei Mode CRO-U00 màu vàng, IMEI 1: 869597039432252; 01 (một) ĐTDD nhãn hiệu Samsung E1050 màu đen, IMEI 352528/06/625587/2; 01 (một) máy tính bảng nhãn hiệu Archos màu bạc, IMEI 1: 354373070601755.

- 01 (một) ĐTDD nhãn hiệu FPT BUK B136, màu xanh, số IMEI 980027001020194.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu trắng, số IMEI 863008039761977.

- 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 83P2-851.54, nhãn hiệu honda màu đen, số máy JA36E0273718, số khung 360YFY128457;

Sau đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện CT, tỉnh ST đã quyết định xử lý vật chứng, bằng hình thức giao trả các tài sản gồm: 01 ổ khóa tủ kính bằng kim loại màu trắng kí hiệu số 211 (đã bị hư hỏng); 01 (một) hộp điện thoại di động (ĐTDD) nhãn hiệu Oppo A39; 01 (một) hộp ĐTDD nhãn hiệu Oppo A71; 01 (một) hộp máy tính bảng nhãn hiệu Masstel Tab 7, màu bạc; 01 (một) hộp máy tính bảng nhãn hiệu Dotpad F7 Plus, màu vàng; 01 (một) hộp máy tính bảng nhãn hiệu Masstel Tap 10, màu vàng; 01 (một) hộp máy tính bảng nhãn hiệu Archos, màu bạc; 01 (một) ĐTDD nhãn hiệu Honor 7C, màu vàng; 01 (một) ĐTDD nhãn hiệu Vivo 1610 màu vàng; 01

(một) ĐTDĐ nhãn hiệu Huawei Mode CRO-U00 màu vàng; 01 (một) ĐTDĐ nhãn hiệu Samsung E1050 màu đen; 01 (một) máy tính bảng nhãn hiệu Archos màu bạc cho chủ sở hữu là ông Dương Gia B. Giao trả 01 một xe mô tô BKS 83P2-851.54 cho chủ sở hữu là bà Võ Thị Tuyết M. Giao trả 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu trắng cho chủ sở hữu là ông Lâm Thế Vinh. Riêng vật chứng còn lại là 01 (một) ĐTDĐ nhãn hiệu FPT BUK B136, màu xanh, số IMEI 980027001020194, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện CT, tỉnh ST tiếp tục tạm giữ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với tài sản bị hại đã nhận lại là 04 điện thoại di động và 01 máy tính bảng, bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không đặt ra xem xét. Đối với 30 thẻ sim số thuê bao có trị giá là 1.300.000 đồng và thẻ card bị can T nạp sử dụng với số tiền 270.000 đồng, tổng cộng là 1.570.000 đồng. Đến nay, bị can Lâm Võ Hoài T đã nhờ bà Võ Thị Tuyết M (mẹ ruột của bị can) bồi thường cho người bị hại Dương Gia B đủ số tiền 1.570.000 đồng. Riêng đối với tài sản còn lại, bị hại Dương Gia B yêu cầu bồi thường thiệt hại theo kết luận định giá 17.693.000 đồng và thẻ card bị can L nạp sử dụng với số tiền 1.500.000 đồng, tổng cộng số tiền 19.193.000 đồng.

Tại cáo trạng số 01/CT-VKS-CT, ngày 03/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, tỉnh ST, đã truy tố các bị cáo Lâm Võ Hoài T và Lâm Mã T, về tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Dương L, về tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, tỉnh ST đề nghị Hội đồng xét xử:

Đề nghị áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585 và 589 Bộ luật dân sự đối với bị cáo Dương L.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lâm Võ Hoài T.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lâm Mã T.

Đề nghị tuyên phạt:

Bị cáo Lâm Võ Hoài T mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Bị cáo Dương L mức án từ 03 năm đến 04 năm tù

Bị cáo Lâm Mã T mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với tài sản bị hại đã nhận lại là 04 điện thoại di động và 01 máy tính bảng, bị hại Dương Gia B không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không đặt ra xem xét. Đối với 30 thẻ sim số thuê bao có trị giá là 1.300.000 đồng và thẻ card bị can T nạp sử dụng với số tiền 270.000 đồng, tổng cộng là 1.570.000 đồng. Đến nay, bị cáo Lâm Võ Hoài T đã nhờ bà Võ Thị Tuyết M (mẹ ruột của bị cáo) bồi thường cho người bị hại Dương Gia B đủ số tiền 1.570.000 đồng. Riêng đối với tài sản còn lại, tại phiên tòa, bị hại Dương Gia B yêu cầu bị cáo Dương L bồi thường thiệt hại theo kết luận định giá 17.693.000 đồng và thẻ card bị cáo L nạp sử dụng với số tiền 1.500.000 đồng, tổng cộng số tiền 19.193.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo Dương L đồng ý bồi thường cho người bị hại Dương Gia B số tiền trên, nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và người bị hại.

* Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị tịch thu sung quỹ 01 (một) ĐTDĐ nhãn hiệu FPT BUK B136, màu xanh, số IMEI 980027001020194.

Đối với số tiền thu lợi bất chính 2.600.000 đồng mà bị cáo Lâm Mã T tự nguyện nộp lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh ST, đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu xung quỹ nhà nước theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 110.000 đồng bị cáo Dương L chiếm đoạt của bị hại Dương Gia B, tại phiên tòa, người bị hại Dương Gia B không yêu cầu bị cáo Dương L bồi thường. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo L nộp số tiền trên để sung quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, tỉnh ST là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, ý kiến của bị cáo cùng lời khai của những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng nêu trên, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ. Hội đồng xét xử xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử và lời khai của họ đã có trong hồ sơ vụ án, nên căn cứ Điều 292, Điều 293 và Điều 299 Bộ luật Tố tụng hình sự, quyết định xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Ngoài ra, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Lâm Võ Hoài T, Dương L và Lâm Mã T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai trước đây của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, lời khai của những người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản kết luận định giá về tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra đã thu thập được.

[3] Từ những tình tiết trong vụ án cho thấy, hành vi của bị cáo đã lợi dụng sơ hở của người bị hại, đã cố ý thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài của người bị hại. Cụ thể: Vào ngày 09/8/2019, tại cửa hàng điện thoại “Hưng Tâm”, thuộc khu vực ấp Phước An, xã Phú Tân, huyện CT, tỉnh ST. Bị cáo Lâm Võ Hoài T sau khi được bị cáo Lâm Mã T cung cấp thông tin địa điểm cửa hàng điện thoại, bị cáo T đã khởi xướng, rủ rê bị cáo Dương L và bị cáo còn sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 83P2-851.54 làm phương tiện chở bị cáo L trực tiếp cố ý thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản tại cửa hàng điện thoại của người bị hại Dương Gia B, với tổng giá trị theo kết luận định giá tài sản là 26.904.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo L còn chiếm đoạt tiền Việt Nam 110.000 đồng và card điện thoại có trị giá là 1.770.000 đồng. Như vậy, tổng cộng tài sản chiếm đoạt ngày 09/8/2019 có giá trị là 28.784.000 đồng. Ngoài ra, đối với bị cáo Dương L, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo L đã có 03 tiền án về “Tội trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt ngày 02/02/2019 chưa được xóa án tích, nên hành vi của bị cáo thuộc tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm nguy hiểm”, quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Chính vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, tỉnh ST, truy tố bị cáo theo tội danh và khung hình phạt nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng theo quy định của pháp luật, không oan cho các bị cáo.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, có đầy đủ sức khỏe để lao động làm ra của cải nhưng lại muốn hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác nên các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Như vậy, các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật B vệ. Hành vi trên là trái pháp luật, là nguy hiểm cho xã hội nên cần phải được xử lý nghiêm khắc.

Cũng cần xem xét hiện nay tại địa bàn nông thôn và các khu dân cư đã xảy ra rất nhiều vụ trộm cắp tài sản gây hoang mang trong dư luận, làm giảm sút lòng tin

của nhân dân với chính quyền. Do đó, xét thấy cần xử lý nghiêm hành vi trộm cắp này để răn đe, giáo dục và cũng để phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, để đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo để Hội đồng xét xử xem xét khi lượng hình như sau:

Khi thực hiện hành vi phạm tội, giữa các bị cáo Lâm Võ Hoài T, Lâm Mã T và Dương L không có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ, không phân công vai trò cụ thể, nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không thuộc tình tiết phạm tội có tổ chức.

Các bị cáo Lâm Võ Hoài T, Dương L và Lâm Mã T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Đối với bị cáo Lâm Võ Hoài T: bị cáo là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Dương L cùng thực hiện hành vi phạm tội sau khi được bị cáo Lâm Mã T cung cấp thông tin về địa điểm cửa hàng điện thoại và bị cáo còn là người giúp sức tích cực, bị cáo sử dụng phương tiện xe mô tô biển kiểm soát 83P2-851.54 chở bị cáo L thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo chiếm đoạt 01 điện thoại di động cảm ứng, 30 thẻ sim số thuê bao của nhiều nhà mạng và nạp card điện thoại di động với số tiền thu lợi bất chính là 270.000 đồng. Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có 04 tiền án, về tội “Trộm cắp tài sản” (chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 10/7/2017, đã được xóa án tích). Tuy nhiên, Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có trình độ học vấn thấp, bị cáo đã tác động gia đình khắc phục hậu quả bồi thường thiệt hại cho người bị hại, tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Cho nên cần xem xét, áp dụng tình tiết nêu trên để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Đối với bị cáo Dương L: giữ vai trò là người thực hành tích cực trong vụ án; bị cáo đã trực tiếp thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt các tài sản của bị hại, sau đó bị cáo lấy 07 điện thoại cảm ứng, 01 máy tính bảng, 33 điện thoại cảm ứng, card điện thoại (thẻ cào) nạp tiền được trị giá 1.500.000 đồng và tiền Việt Nam là 110.000 đồng. Bị cáo bán điện thoại được số tiền 7.450.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền bị cáo bán điện thoại, tiền nạp card và tiền Việt Nam 110.000 đồng, thu lợi bất chính là 9.060.000 đồng. Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có 03 tiền án, về tội “Trộm cắp tài sản” (chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 02/02/2019, chưa được xóa án tích). Cho nên, hành vi của bị cáo thuộc tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo là người dân tộc khomer, trình độ học vấn thấp nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế, tại phiên tòa người bị hại xin

giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Cho nên cần xem xét, áp dụng tình tiết nêu trên để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Đối với bị cáo Lâm Mã T: giữ vai trò là người giúp sức tích cực trong vụ án, bị cáo sử dụng điện thoại di động gọi cho bị cáo T cung cấp thông tin về địa điểm tiệm điện thoại Hưng Tâm và trực tiếp chỉ tiệm điện thoại “Hưng Tâm” cho bị cáo T với mục đích để lấy trộm tài sản, nên bị cáo T và bị cáo L đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt được tài sản như trên. Đồng thời, bị cáo được chia 04 điện thoại di động, sau đó bị cáo đem bán thu lợi bất chính được số tiền 2.600.000 đồng. Tuy nhiên, bị cáo T chưa có tiền án và tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; trước ngày xét xử, bị cáo tác động gia đình đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành nộp số tiền thu lợi bất chính là 2.600.000 đồng; bị cáo là người dân tộc khơmer, trình độ học vấn thấp nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế, tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Cho nên cần xem xét, áp dụng tình tiết nêu trên để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: bà Thạch Thị T, ông Thạch C và ông Lâm Văn CH: trong quá trình điều tra, đã xác định khi bà T, ông C và ông CH mua điện thoại của bị cáo Lâm Mã T, thì bà T, ông C và ông CH không biết tài sản trên là do bị cáo T phạm tội mà có, cho nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với Bà Thạch Thị T, ông Thạch C và ông Lâm Văn CH.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoài T, được bị cáo T cho một điện thoại di động là tài sản do phạm tội mà có nhưng trong quá trình điều tra đã xác định, khi nhận điện thoại thì T không biết tài sản trên do bị cáo T phạm tội mà có. Do đó, chưa đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với T theo quy định pháp luật hình sự, nên không đặt ra xem xét.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Tuyết M (là mẹ ruột của bị cáo T): trong quá trình điều tra xác định xe mô tô BKS 83P2-851.54 của bà M mua lại của ông Nguyễn Hoài T nhưng vẫn để cho bị cáo T sử dụng để làm phương tiện đi lại, còn việc bị cáo T sử dụng chiếc xe trên để làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, thì bà M không hay biết, nên không đặt ra xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với tài sản bị hại đã nhận lại là 04 điện thoại di động và 01 máy tính bảng, bị hại Dương Gia B không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không đặt ra xem xét. Đối với 30 thẻ sim số thuê bao có trị giá là 1.300.000 đồng và thẻ card bị cáo T nạp sử dụng với số tiền 270.000 đồng, tổng cộng là 1.570.000

đồng. Đến nay, bị cáo Lâm Võ Hoài T đã nhờ bà Võ Thị Tuyết M (mẹ ruột của bị cáo) bồi thường cho người bị hại Dương Gia B đủ số tiền 1.570.000 đồng. Riêng đối với tài sản còn lại, tại phiên tòa, bị hại Dương Gia B yêu cầu bị cáo Dương L bồi thường thiệt hại theo kết luận định giá 17.693.000 đồng và thẻ card bị cáo L nạp sử dụng với số tiền 1.500.000 đồng, tổng cộng số tiền 19.193.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo Dương L đồng ý bồi thường thiệt hại cho bị hại Dương Gia B số tiền trên. Xét thấy, sự thỏa thuận của bị cáo và người bị hại không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này giữa bị cáo và người bị hại.

Về vật chứng của vụ án: 01 (một) ĐTDĐ nhãn hiệu FPT BUK B136, màu xanh, số IMEI 980027001020194. Xét thấy, vật chứng nêu trên là công cụ, phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định điểm a, b khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với số tiền thu lợi bất chính 2.600.000 đồng mà bị cáo Lâm Mã T tự nguyện nộp lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh ST nên cần tịch thu xung quỹ nhà nước theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 110.000 đồng bị cáo Dương L chiếm đoạt của bị hại Dương Gia B, tại phiên tòa, người bị hại Dương Gia B không yêu cầu bị cáo Dương L bồi thường. Tuy nhiên, cần buộc bị cáo L nộp số tiền trên để sung quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Các bị cáo Lâm Võ Hoài T, Lâm Mã T và Dương L là người bị kết án, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Riêng bị cáo Dương L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Tuyên bố*: Các bị cáo Lâm Võ Hoài T, Dương L và Lâm Mã T, phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự; đối với bị cáo Dương L.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lâm Võ Hoài T.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lâm Mã T.

Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106; Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 299; Điều 333 và Điều 338 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, 585 và 589 Bộ luật dân sự

Căn cứ khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo **Lâm Võ Hoài T** 02 (hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/8/2019.

Xử phạt: Bị cáo **Dương L** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/9/2019.

Xử phạt: Bị cáo **Lâm Mã T** 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/8/2019.

2. *Về vật chứng của vụ án:* Tuyên tịch thu và sung quỹ hũy Nhà nước: 01 (một) ĐTDĐ nhãn hiệu FPT BUK B136, màu xanh, số IMEI 980027001020194(theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/12/2019, giữa Công an huyện Châu Thành và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành).

3. *Về trách nhiệm dân sự:* Buộc bị cáo Dương L phải bồi thường thiệt hại cho bị hại Dương Gia B số tiền 19.193.000 đồng.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với số tiền thu lợi bất chính 2.600.000 đồng mà bị cáo Lâm Mã T đã tự nguyện nộp lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh ST (theo biên lai thu số 009418, ngày 12/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành).

Buộc bị cáo Dương L nộp số tiền 110.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

4. *Về án phí:* Buộc bị cáo Lâm Võ Hoài T, Dương L và Lâm Mã T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Riêng bị cáo Dương L phải nộp 959.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm (đã tính tròn số).

5. *Về quyền kháng cáo:* Các bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt, thì được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST;
- VKSND tỉnh ST;
- VKSND huyện CT;
- Bị cáo, BH, NCLQ;
- Chi cục THADS huyện CT;
- Cơ quan THAHS Công an huyện CT;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Nhẫn